

Số: 56/2007/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày 19 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

CÔNG VĂN PHÒNG SỐ 811
Ngày 25 tháng 12 năm 07

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 20/11/2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 2. Căn cứ nội dung Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định này, các cơ quan có liên quan của tỉnh và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện.

Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (thay b/c);
- Bộ Tư pháp (thay b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - BTP (để KT);
- Thường trực tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Công báo tỉnh; Báo DakLak;
- Như Điều 2, Điều 3 (cá nhân có liên quan : Sở TP sao gửi);
- Lưu: VP; VT, Lđ, các P, BP cv.ng.c

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



LỮ NGỌC CƯ

QUY CHẾ

Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2007/QĐ-UBND
ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

1. Cộng tác viên kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Cộng tác viên) theo Quy chế này là những người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc huyện, thành phố có quyết định công nhận, để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra văn bản theo quy định của pháp luật, nhằm kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp của văn bản và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành, sửa đổi, hủy bỏ, hoặc bãi bỏ văn bản đó, góp phần đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật.

2. Cộng tác viên được tổ chức ở tỉnh và các huyện, thành phố.

Cộng tác viên của tỉnh được lựa chọn từ những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, ban hành và kiểm tra văn bản trong các cơ quan nhà nước ở tỉnh và các huyện, thành phố.

Cộng tác viên của huyện, thành phố được lựa chọn từ những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, ban hành và kiểm tra văn bản ở huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn.

Điều 2. Phạm vi hoạt động của Cộng tác viên

Cộng tác viên thực hiện việc kiểm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân cùng cấp; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp ban hành theo yêu cầu của Cơ quan kiểm tra văn bản.

Điều 3. Nội dung kiểm tra văn bản của Cộng tác viên

Nội dung kiểm tra văn bản của Cộng tác viên bao gồm việc xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy

phạm pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp.

Văn bản hợp pháp là văn bản được ban hành bảo đảm đủ các điều kiện sau đây:

1. Được ban hành đúng căn cứ pháp lý.
2. Được ban hành đúng thẩm quyền.
3. Nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Được ban hành đúng thể thức và kỹ thuật trình bày.
5. Tuân thủ đầy đủ các quy định về thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

Điều 4. Cơ quan kiểm tra văn bản

1. Cơ quan kiểm tra văn bản trong Quy chế này gồm Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố (là cơ quan có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra văn bản theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ).

2. Cơ quan kiểm tra văn bản có nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc quản lý đội ngũ Cộng tác viên của địa phương mình.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Cộng tác viên

1. Cộng tác viên chịu sự quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ của Cơ quan kiểm tra văn bản; thực hiện công việc theo cơ chế khoán việc hoặc tham gia các đoàn kiểm tra do Cơ quan kiểm tra văn bản yêu cầu.

2. Trong hoạt động kiểm tra văn bản, Cộng tác viên phải bảo đảm khách quan, trung thực và tuân theo pháp luật.

Kết quả kiểm tra văn bản của Cộng tác viên là cơ sở để Cơ quan kiểm tra văn bản kiến nghị, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với văn bản được kiểm tra. Cơ quan kiểm tra văn bản có quyền không chấp nhận kết quả kiểm tra văn bản của Cộng tác viên, nếu xét thấy kết quả đó không phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Mọi yêu cầu, kiến nghị của Cộng tác viên liên quan đến việc kiểm tra văn bản phải thông qua Cơ quan kiểm tra văn bản.

Chương II

TIÊU CHUẨN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN CỘNG TÁC VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn Cộng tác viên

Cộng tác viên phải đảm bảo đủ các điều kiện sau đây:

1. Là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng, ban hành và kiểm tra văn bản ở các cơ quan nhà nước của tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

2. Có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đã được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật, có kiến thức chuyên sâu về một hoặc một số lĩnh vực quản lý nhà nước.

4. Có kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước, thực thi pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền công nhận Cộng tác viên

1. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành cùng cấp và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quy chế này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định công nhận Cộng tác viên cấp mình.

2. Hàng năm, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thay đổi, bổ sung Cộng tác viên cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế tại địa phương.

Chương III

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN CỦA CỘNG TÁC VIÊN

Điều 8. Trách nhiệm của Cộng tác viên

Cộng tác viên có các trách nhiệm sau đây:

1. Tham gia thực hiện công việc đúng thời gian và nội dung yêu cầu của Cơ quan kiểm tra văn bản; Lập hồ sơ kiểm tra văn bản theo hướng dẫn của Cơ quan kiểm tra văn bản; Đề xuất Cơ quan kiểm tra văn bản yêu cầu hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những nội dung trái pháp luật hoặc không còn phù hợp của văn bản được kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2. Không dùng danh nghĩa Cộng tác viên để thực hiện các hoạt động khác ngoài công tác kiểm tra văn bản được yêu cầu; không được lợi dụng việc kiểm tra để gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan ban hành văn bản được kiểm tra.

3. Hoàn thành việc kiểm tra văn bản đúng thời hạn được giao, đảm bảo chất lượng và chịu trách nhiệm trước Cơ quan kiểm tra văn bản về kết quả kiểm tra văn bản của mình.

Điều 9. Quyền của Cộng tác viên

Cộng tác viên có các quyền như sau:

1. Được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ có liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý văn bản.
2. Được cung cấp tài liệu, văn bản pháp luật, cơ sở dữ liệu... phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản.
3. Được hưởng thù lao theo quy định tại Nghị quyết số 27/2006/NQ-HĐND ngày 11/5/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh.
4. Có quyền đề xuất hướng xử lý nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra; đề xuất hướng xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản trái pháp luật theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 01/2004/TT-BTP ngày 16/6/2004 của Bộ Tư pháp.
5. Cộng tác viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có thành tích trong công tác kiểm tra văn bản được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ CHẤM DỨT CÔNG NHẬN CỘNG TÁC VIÊN

Điều 10. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan kiểm tra văn bản có trách nhiệm theo dõi và đề xuất cơ quan có thẩm quyền khen thưởng Cộng tác viên có thành tích trong hoạt động kiểm tra văn bản.
2. Cộng tác viên có hành vi vi phạm pháp luật trong công tác kiểm tra văn bản thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Chấm dứt việc công nhận Cộng tác viên

Cơ quan có thẩm quyền công nhận Cộng tác viên quyết định chấm dứt việc công nhận Cộng tác viên trong các trường hợp sau:

1. Theo yêu cầu của Cộng tác viên.
2. Cộng tác viên có hành vi không khách quan, trung thực trong quá trình thực hiện việc kiểm tra văn bản; không thực hiện hoặc thường xuyên không hoàn thành

công việc theo yêu cầu của Cơ quan kiểm tra văn bản mà không có lý do chính đáng.

3. Cộng tác viên vi phạm các quy định tại Điều 8 của Quy chế này.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

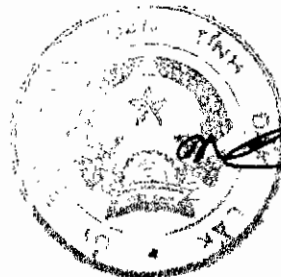
Căn cứ quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp các huyện, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp trong việc xây dựng và đảm bảo hiệu quả hoạt động của đội ngũ Cộng tác viên ở cấp, địa phương mình.

Điều 13. Kinh phí đảm bảo thực hiện

Kinh phí đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của đội ngũ Cộng tác viên theo Quy chế này thực hiện theo Thông tư liên tịch số 109/2004/TTLT - BTC - BTP ngày 17/11/2004 của liên Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn kinh phí bảo đảm cho hoạt động kiểm tra văn bản QPPL và quy định tại Nghị quyết số 27/2006/NQ-HĐND ngày 11/5/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Tài chính, Phòng Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí kinh phí đảm bảo cho tổ chức và hoạt động của đội ngũ Cộng tác viên theo quy định hiện hành. *la*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



LỮ NGỌC CỬ